TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/6/2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Quý Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng;
2. Bà Nguyễn Thị thao.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái.

Ngày 26/6/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/02/2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/5/201 và Thông báo mở lại phiên toà số 03/2019/TB-TA ngày 03/ 6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1979. Có mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Ngô Tuấn A, sinh năm 1976. vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2019, các bản khai tiếp theo và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Ngô Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 03/5/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thiếu thốn vật chất sinh ra cãi vã nhau, không có tiếng nói chung. Anh A thường xuyên đánh đập tôi, sử dụng bạo lực tình

dục với tôi. Nay tôi thấy tình cảm giữa tôi và anh Ngô Tuấn A không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Ngô Tuấn A.

Về con chung: Tôi và anh Ngô Tuấn A có hai người con chung là Ngô Nguyễn Quỳnh G, sinh ngày 12/8/2003 và Ngô Phương T, sinh ngày 15/9/2006. Ly hôn nguyện vọng của các cháu là ở với tôi thì tôi có nguyện vọng nuôi cả hai người con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi xác định vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 13/3/2019, và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Ngô Tuấn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi công nhận lời trình bày của chị B về hôn nhân tự nguyện, về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại thôn Đ xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái. Chúng tôi chung sống đến nay không phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên trong cuộc sống gia đình hằng ngày vẫn có những mâu thuẫn nhỏ, những xô xát trong cuộc sống vẫn tồn tại; có thời gian tôi đi làm xa, về nhà chị B không còn muốn ngủ chung với chồng, từ đó mới xảy ra mâu thuẫn. Vào tháng 9/2018 đúng là tôi có tát vợ tôi 01 lần, chứ không thường xuyên như chị B nói. Đến nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng giữa tôi và chị B vẫn còn, tôi vẫn còn yêu thương vợ con tôi, chị B làm đơn xin ly hôn tôi không đồng ý, đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng tôi được đoàn tụ. Nếu chị B vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với tôi thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị B hai người con chung là Ngô Nguyễn Quỳnh G, sinh ngày 12/8/2003 và Ngô Phương T, sinh ngày 15/9/2006. Nếu phải ly hôn thì nguyện vọng của tôi là được nuôi cả hai người con, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi xác định vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1] *Về tố tụng* ;Tại phiên tòa hôm nay anh Avắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Thanh theo quy định của pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Tuấn A có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 03/5/2002 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc

đến năm 2018 thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân là do quá trình chung sống anh chị không tìm được tiếng nói chung, hay xảy ra mâu thuẫn từ cuộc sống hàng ngày. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh Axác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị được đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị B vẫn yêu cầu được ly hôn. Như vậy, cho thấy quan hệ vợ chồng giữa chị B và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ cho chị B được ly hôn anh Atheo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị B và anh Ngô Tuấn A có hai người con chung là Ngô Nguyễn Quỳnh G, sinh ngày 12/8/2003 và Ngô Phương T sinh ngày 15/9/2006. Ly hôn, chị B và anh A đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu người ikhoong nuôi con cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy nguyện vọng được nuôi con của chị B và anh A là chính đáng, tuy nhiên hai cháu Giang và Thảo có nguyện vọng ở với mẹ là chị Nguyễn Thị B, xét thấy, nguyện vọng của các cháu là phù hợp, thêm vào đó các cháu là con gái nên cần có mẹ trực tiếp chăm sóc giáo dục để được ổn định về mặt tâm sinh lý tuổi mới lớn, cũng như các điều kiện sinh hoạt và điều kiện học tập của các cháu. Vì vậy, để đảm bảo mọi mặt về quyền và lợi ích của con chung, căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu Ngô Nguyễn Quỳnh G và Ngô Phương T cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng, chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh A không tự nguyện cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] V*ề tài sản và nợ chung:* Chị B và anh A xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Ngô Tuấn A.

2. *Về con chung:* Giao cháu Ngô Nguyễn Quỳnh G, sinh ngày 12/8/2003 và Ngô Phương T, sinh ngày 15/9/2006 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại B lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/06952 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 15/02/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, Chị Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Ngô Tuấn A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã B – T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Quý Hiệp